

# KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP Ở CÁC NƯỚC – VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ HÀ

*Viet Nam đang ngày càng hội nhập sâu, rộng vào nền kinh tế toàn cầu. Trong quá trình này, đòi hỏi phải phát triển một thị trường dịch vụ kiểm toán độc lập mạnh cả về số lượng và chất lượng nhằm thúc đẩy cơ chế kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, cũng như thực hiện các cam kết thương mại quốc tế. Việc học tập các quốc gia có nền kinh tế phát triển và hệ thống quản lý, kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán độc lập hiện đại, hiệu quả luôn hữu ích đối với việc phát triển dịch vụ kiểm toán độc lập ở Việt Nam.*

*Từ khóa: Mô hình quản lý, giám sát, kiểm tra, chất lượng dịch vụ, kiểm toán độc lập*

## MANAGEMENT AND CONTROL OF INDEPENDENT AUDIT SERVICES QUALITY IN COUNTRIES - ISSUES FOR VIETNAM

Nguyễn Thị Hà

*Vietnam is increasingly integrating deeply and broadly into the global economy. In this process, it is necessary to develop a strong market of independent audit services both in quantity and quality in order to promote a socialist-oriented market economy mechanism, as well as implement commitments, international trade. Learning from countries with developed economies and modern, effective quality audit and control systems is always helpful for developing independent audit services in Vietnam.*

*Key words: Model of management, supervision, testing, service quality, independent audit*

Ngày nhận bài: 27/4/2020

Ngày hoàn thiện biên tập: 7/5/2020

Ngày duyệt đăng: 13/5/2020

## Mô hình quản lý và giám sát dịch vụ kiểm toán độc lập ở một số quốc gia

Tổ chức quản lý, giám sát dịch vụ kiểm toán độc lập (KTĐL) là lựa chọn và xác định cấu trúc tổ chức quản lý, giám sát và cơ chế vận hành sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý, tình hình kinh tế, chính trị - xã hội của mỗi quốc gia và nguồn lực của mỗi chủ thể

thực hiện dịch vụ KTĐL. Cấu trúc tổ chức bộ máy quản lý, giám sát dịch vụ KTĐL tại mỗi quốc gia nhìn chung đều được xác lập trên cơ sở mối quan hệ giữa các bên liên quan, bao gồm: Chủ thể quản lý giám sát (cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức nghề nghiệp, ủy ban độc lập); Chủ thể thực hiện (doanh nghiệp (DN) kiểm toán, kiểm toán viên); Đối tượng được kiểm toán (đơn vị có lợi ích công chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, DN kinh doanh bảo hiểm...); Đối tượng sử dụng thông tin, kết quả kiểm toán (ngân hàng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư, nhà đầu tư cá nhân...).

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, các bên tham gia còn có sự hiện diện của các tổ chức quốc tế, chủ thể giám sát ở các quốc gia khác, các DN kiểm toán (DNKT) quốc tế. Tùy theo sự phát triển của kinh tế - xã hội và điều kiện cụ thể tại mỗi quốc gia, mỗi quan hệ giữa các bên liên quan diễn ra theo tiến trình, từ đơn giản đến phức tạp thể hiện thông qua địa vị pháp lý, vị trí và mối quan hệ của tổ chức lập quy, giám sát dịch vụ KTĐL với các cơ quan khác trong bộ máy quản lý nhà nước.

Nghiên cứu cho thấy, về cơ bản, có 4 mô hình phổ biến được các quốc gia sử dụng để quản lý, giám sát dịch vụ KTĐL. Mỗi một mô hình có ảnh hưởng khác nhau đến việc đảm bảo, duy trì chất lượng và hiệu quả hoạt động của dịch vụ KTĐL. Mỗi quốc gia phải dựa vào đặc điểm môi trường kinh doanh, cơ sở pháp lý và chiến lược phát triển dịch vụ KTĐL để lựa chọn một mô hình quản lý giám sát phù hợp. Cụ thể như sau:

- Mô hình tự kiểm soát có sự giám sát của Nhà nước

tại Hoa Kỳ: Hoa Kỳ là quốc gia theo đuổi mô hình quản lý và đánh giá theo kết quả công việc. Hoa Kỳ xây dựng một Chính phủ có năng lực thích ứng cao, tiên liệu được các vấn đề nảy sinh, nhìn nhận được các nguy cơ, thích ứng nhằm tối thiểu hóa thiệt hại. Các nhà quản lý và hoạch định chính sách được trao quyền chủ động và linh hoạt trong quá trình hoạt động để đạt được mục tiêu. Việc quản lý không chỉ quan tâm đến các quy trình, thủ tục, trình tự thực hiện để đạt kết quả đầu ra mà còn phải chú ý đến phản hồi của các nhóm khác nhau để kịp thời điều chỉnh.

Theo đó, hoạt động quản lý, giám sát dịch vụ KTDL được thực hiện bởi Ủy ban Giám sát hoạt động kiểm toán cho các công ty đại chúng (PCAOB) và Hiệp hội Kế toán viên Công chứng Hoa Kỳ (AICPA). Trong đó, PCAOB hoạt động với chức năng của cơ quan quản lý nhà nước và AICPA hoạt động với chức năng của một cơ quan độc lập. Chính phủ Hoa Kỳ giao cho AICPA tự quản lý và giám sát dịch vụ KTDL thông qua soạn thảo và ban hành các chuẩn mực kiểm toán (CMKT), thực hiện và báo cáo việc kiểm tra chéo dịch vụ kiểm toán, tổ chức các khoá đào tạo, tổ chức thi và cấp chứng chỉ hành nghề; cũng như cập nhật kiến thức mới hàng năm cho hội viên, cung cấp thông tin nghề nghiệp và tư vấn chuyên môn cho hội viên. Đặc điểm của mô hình tự kiểm soát là quá trình thiết lập CMKT và kiểm soát chất lượng dịch vụ KTDL hoàn toàn do tổ chức nghề nghiệp đảm nhận, không có sự tham gia của các bên trong xã hội.

*Mô hình Ủy ban Độc lập tại Hà Lan:* Theo xu hướng cải cách hành chính, Hà Lan đã chuyển đổi tư duy và thiết kế lại mô hình quản lý theo hướng thành lập các Ủy ban Độc lập mang tính tự chủ cao, giảm tính quan liêu trong vận hành bộ máy, cải thiện hiệu suất làm việc và cung cấp các dịch vụ cho xã hội, mang lại những giá trị lớn. Theo mô hình quản lý công mới, Nhà nước chỉ tập trung vào việc hoạch định chính sách và trao quyền tự chủ mạnh mẽ cho người đứng đầu các Ủy ban Độc lập nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động. Theo đó, hoạt động quản lý và giám sát dịch vụ KTDL tại Hà Lan được thực hiện theo mô hình Ủy ban Độc lập. Trong mô hình này, tổ chức nghề nghiệp giữ vai trò chủ yếu trong việc hình thành chuẩn mực, nhưng hoạt động quản lý, giám sát dịch vụ KTDL phải tuân thủ và chịu ảnh hưởng bởi Ủy ban giám sát Thị trường Tài chính. Ủy ban này sẽ các chuyên gia có kinh nghiệm và có kiến thức chuyên môn thuộc nhiều lĩnh vực của các nhóm

lợi ích khác nhau trong xã hội và độc lập về tài chính thực hiện quản lý và giám sát dịch vụ KTDL. Tuy nhiên, mô hình Ủy ban này cũng có những hạn chế nhất định, đó là khả năng ảnh hưởng của các DN, tổ chức nghề nghiệp đến Ủy ban...

*Mô hình nhà nước - hội đồng tư vấn tại Nhật Bản:* Yêu cầu phát triển dịch vụ KTDL không chỉ xuất phát từ phía những người sử dụng, mà còn gắn với yêu cầu quản lý xã hội. Dịch vụ KTDL của Nhật Bản chịu ảnh hưởng bởi các quy định, do nhiều cơ quan chức năng của Nhà nước ban hành. Do vậy, để hài hòa được lợi ích của các bên có liên quan, mô hình kết hợp giữa Nhà nước và hội đồng tư vấn đã ra đời và phát triển.

Tại Nhật Bản, Bộ Tài chính là cơ quan quản lý nhà nước chịu trách nhiệm ban hành các văn bản pháp luật và các chính sách về kế toán, kiểm toán. Trong quá trình quản lý, giám sát dịch vụ KTDL và nghiên cứu, soạn thảo, ban hành, công bố hệ thống các CMKT, Bộ Tài chính có sự hỗ trợ của hội đồng tư vấn gồm: Viên Kế toán công chứng Nhật Bản (JICPA), Hội đồng nghị sự kế toán DN trực thuộc Cơ quan dịch vụ tài chính.

*Mô hình theo luật định tại Trung Quốc:* Tổ chức quản lý, giám sát dịch vụ KTDL tại Trung Quốc chủ yếu do các cơ quan nhà nước thực hiện, bao gồm: Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán (UBCK). Quản lý và giám sát dịch vụ KTDL tại Trung Quốc được thực hiện theo mô hình luật định. Các quy chế giám sát dịch vụ KTDL có tính chất cưỡng chế, mọi cá nhân hành nghề đều buộc phải là thành viên của tổ chức nghề nghiệp theo luật định. Tổ chức nghề nghiệp hình thành trên cơ sở tự nguyện có vai trò thấp trong việc giám sát chất lượng dịch vụ KTDL.

### **Kinh nghiệm kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán độc lập ở một số quốc gia**

Kiểm soát chất lượng dịch vụ KTDL bao gồm việc kiểm tra chất lượng dịch vụ kiểm toán và giám sát hoạt động của các DNKT và kiểm toán viên (KTV) hành nghề trong quá trình cung cấp dịch vụ KTDL. Tùy thuộc vào từng quốc gia, cơ quan kiểm soát chất lượng dịch vụ KTDL có thể được thực hiện bởi tổ chức nghề nghiệp, hoặc Ủy ban Quốc gia về kiểm toán, hoặc cơ quan chức năng của Nhà nước. Để kiểm soát chất lượng dịch vụ KTDL, hiện nay có 2 hình thức kiểm tra là kiểm tra chéo và kiểm tra bắt buộc. Kiểm tra chéo là hoạt động kiểm soát chất lượng dịch vụ KTDL, trong đó một DNKT này được kiểm tra bởi một DNKT khác. Kiểm tra bắt buộc là hoạt động kiểm

soát chất lượng dịch vụ KTĐL do các tổ chức khác nhau thực hiện. Tùy thuộc vào từng quốc gia, việc kiểm tra có thể áp dụng một hoặc cả 2 hình thức.

Nhằm đảm bảo tính hiệu lực và hiệu quả, quá trình kiểm soát phải phối hợp chặt chẽ giữa các bên liên quan. Chủ thể kiểm soát phải công bố công khai, minh bạch quy trình kiểm soát và xử lý sai phạm của DNKT và KTV hành nghề. Cơ quan quản lý phải công bố công khai kết quả kiểm soát chất lượng dịch vụ KTĐL thông qua báo cáo tóm tắt và các phát hiện, khuyến nghị nhằm giảm thiểu rủi ro cho đối tượng sử dụng dịch vụ KTĐL, điển hình như:

*Tại Hoa Kỳ:* Kiểm soát chất lượng dịch vụ KTĐL được thực hiện bởi tổ chức nghề. Hình thức kiểm tra được thực hiện là kiểm tra chéo. Các DNKT cho các công ty đại chúng đăng ký vào chương trình kiểm tra chéo với PCAOB. Các cá nhân hay các công ty thực

có dấu hiệu sai phạm sẽ tiến hành các thủ tục điều tra và xử lý kỷ luật đối với các kế toán viên công chúng. Hình thức kiểm tra được thực hiện là hình thức kiểm tra bắt buộc.

*Tại Trung Quốc:* Kiểm soát chất lượng dịch vụ KTĐL được thực hiện bởi nhiều cơ quan nhà nước như: Bộ Tài chính, UBCK và tổ chức nghề nghiệp. Hình thức kiểm tra bắt buộc kết hợp với kiểm tra chéo, trong đó, Nhà nước thực hiện kiểm tra bắt buộc; tổ chức nghề nghiệp thực hiện kiểm tra chéo.

Thực tiễn của các quốc gia cho thấy, trách nhiệm kiểm soát chất lượng dịch vụ KTĐL được phân theo 2 nhóm DNKT: Nhóm DNKT cung cấp dịch vụ cho các khách hàng là các đơn vị có lợi ích công chúng và nhóm DNKT cung cấp dịch vụ cho các khách hàng là DN, tổ chức khác. Theo đó, cơ quan, tổ chức thực hiện kiểm soát 2 nhóm DNKT cũng khác nhau. Kinh nghiệm của các quốc gia cho thấy, để bảo vệ quyền lợi cho công chúng đầu tư và lợi ích cộng đồng, cơ quan nhà nước sẽ thực hiện kiểm soát chất lượng dịch vụ. Các DNKT thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho các đơn vị có lợi ích công chúng. Tổ chức nghề nghiệp sẽ thực hiện kiểm tra, giám sát các DNKT cung cấp dịch vụ cho các DN và các tổ chức khác.

#### **Quản lý và kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán độc lập ở Việt Nam**

Việt Nam với đặc điểm là Nhà nước can thiệp sâu vào nền kinh tế, do vậy, quản lý dịch vụ KTĐL được áp dụng theo mô hình luật định. Bộ Tài chính là cơ quan thực hiện quản lý nhà nước đối với dịch vụ KTĐL. Theo đó, việc thiết lập CMKT, quản lý, giám sát dịch vụ KTĐL, kiểm soát chất lượng và xử lý các sai phạm... đều thực hiện thông qua vai trò của Bộ Tài chính.

Hoạt động kiểm soát chất lượng dịch vụ KTĐL kết hợp giữa cơ quan chức năng của Nhà nước và hội nghề nghiệp. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm trong quản lý và tổ chức thực hiện kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán. Bên cạnh đó, có sự tham gia của các cơ quan quản lý nhà nước trong từng lĩnh vực đặc thù chuyên ngành: UBCKNN, Cục Quản lý và Giám sát bảo hiểm, Ngân hàng Nhà nước. VACPA có trách nhiệm phối hợp thực hiện và tham gia hướng dẫn và tư vấn khắc phục các sai sót sau kiểm tra.

Hình thức và nội dung kiểm soát chất lượng dịch vụ KTĐL: Thông tư số 157/2014/TT-BTC quy định DNKT và KTV hành nghề tự kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán do mình cung cấp và lập Báo cáo kết quả tự kiểm tra chất lượng dịch vụ kiểm toán hàng

**Việt Nam với đặc điểm là Nhà nước can thiệp sâu vào nền kinh tế, do vậy, quản lý dịch vụ kiểm toán độc lập được áp dụng theo mô hình luật định. Bộ Tài chính là cơ quan thực hiện quản lý nhà nước đối với dịch vụ kiểm toán độc lập. Theo đó, việc thiết lập chuẩn mực kế toán, quản lý, giám sát dịch vụ kiểm toán độc lập, kiểm soát chất lượng và xử lý các sai phạm... đều thực hiện thông qua vai trò của Bộ Tài chính.**

hình dịch vụ kế toán và kiểm toán ở Hoa Kỳ phải đăng ký vào chương trình kết hợp với Ủy ban Quốc gia và kiểm tra chéo với AICPA. Chương trình kiểm tra chéo đặt dưới sự quản lý bởi Ủy ban Kiểm tra chéo Quốc gia và được phát triển, giám sát bởi PCAOB, AICPA và 44 Hội kế toán viên công chúng cấp tiểu bang.

*Tại Hà Lan:* Kiểm soát chất lượng dịch vụ KTĐL được thực hiện bởi Ủy ban Quốc gia và tổ chức nghề nghiệp. Các DNKT thực hiện kiểm toán BCTC các đơn vị có lợi ích công chúng, việc kiểm soát chất lượng dịch vụ KTĐL được thực hiện bởi Ủy ban Giám sát Thị trường Tài chính. Các DNKT theo yêu cầu tự nguyện, việc kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ KTĐL được thực hiện bởi tổ chức nghề nghiệp về kiểm toán (CPA). Hình thức kiểm tra được thực hiện là kiểm tra bắt buộc theo luật định của Luật Giám sát các công ty kiểm toán và kiểm toán tự nguyện.

*Tại Nhật Bản:* Kiểm soát chất lượng dịch vụ KTĐL được thực hiện bởi tổ chức nghề. JICPA thực hiện việc đánh giá kiểm soát chất lượng kiểm toán và gửi kết quả cho Bộ Tài chính và Ủy ban Giám sát kiểm toán và kế toán công chứng. Trong quá trình thực hiện đánh giá kiểm soát chất lượng kiểm toán, JICPA phát hiện

năm gửi cơ quan kiểm soát (Bộ Tài chính, UBCKNN). Bên cạnh đó, Thông tư số 157/2014/TT-BTC quy định kiểm soát chất lượng dịch vụ KTDL được thực hiện theo 2 hình thức kiểm tra trực tiếp và kiểm tra gián tiếp bởi cơ quan kiểm soát.

- Kiểm tra gián tiếp là thông qua báo cáo kết quả tự kiểm tra chất lượng dịch vụ kiểm toán hàng năm của các DNKT, Bộ Tài chính và UBCKNN sẽ kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán và tuân thủ quy định pháp luật của DNKT và KTV hành nghề. Các DNKT được lựa chọn để kiểm tra gián tiếp phải trả lời các câu hỏi đã có sẵn theo mẫu. Các câu hỏi dùng cho kiểm tra gián tiếp được xây dựng chung cho các DNKT, do đó, khó đánh giá thực tiễn hành nghề của từng DNKT. Bên cạnh đó, báo cáo kết quả tự kiểm tra chất lượng dịch vụ kiểm toán hàng năm, do DNKT tự thực hiện, nên độ tin cậy không cao và không đảm bảo tính độc lập, khách quan

- Kiểm tra trực tiếp là cơ quan có thẩm quyền (Bộ Tài chính, UBCKNN) thành lập đoàn kiểm tra định kỳ, hoặc đột xuất kiểm tra trực tiếp tại các DNKT. Thông qua các thủ tục kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền sẽ đánh giá hệ thống kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán của DNKT và đánh giá chất lượng của các hợp đồng dịch vụ KTDL đã hoàn thành. Thực tế cho thấy, việc kiểm soát chất lượng dịch vụ KTDL dù theo hình thức trực tiếp hay gián tiếp, cũng mới chỉ dừng lại ở việc đánh giá tính tuân thủ pháp luật và các quy định về KTDL.

Tiêu chuẩn của kiểm tra viên thực hiện kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán: Nhân lực của UBCK, VACPA, Cục Quản lý và Giám sát kế toán, kiểm toán, tham gia đoàn kiểm tra phần lớn là cán bộ kiểm nhiệm, không có chứng chỉ KTV và ít có thời gian thực tế hành nghề. Do vậy, việc kiểm soát chất lượng dịch vụ KTDL hàng năm cần huy động các KTV đang làm việc tại các DNKT, nên hạn chế tính chủ động trong công tác tổ chức kiểm tra chất lượng dịch vụ.

Việc huy động tham gia kiểm tra phụ thuộc vào DNKT; đồng thời, việc sử dụng thành viên đoàn kiểm tra là KTV hành nghề tại các DNKT để kiểm tra DNKT khác có thể gây xung đột về lợi ích, hay có thể làm tiết lộ bí mật thông tin của khách hàng, hoặc đơn vị được kiểm tra có thể hạn chế cung cấp thông tin cho đoàn kiểm tra. Tiêu chuẩn, điều kiện lựa chọn các kiểm tra viên theo quy chế kiểm soát chất lượng dịch vụ KTDL hiện nay, mới đưa ra tiêu chuẩn về thành viên của đoàn kiểm tra, chưa đề cập nhiều tới quyền lợi và trách nhiệm của các DNKT trong cung cấp nhân lực, trách nhiệm của mỗi kiểm tra viên...

Kinh phí thực hiện kiểm soát chất lượng chất lượng dịch vụ KTDL: Kinh phí kiểm soát chất lượng dịch vụ KTDL do ngân sách nhà nước chi trả. Các khoản chi kiểm tra viên là cán bộ, công chức của Bộ Tài chính, UBCKNN, cán bộ huy động từ Tổ chức nghề nghiệp về kiểm toán, KTV hành nghề huy động từ DNKT chi trả và áp dụng như chế độ quy định đối với cán bộ, công chức nhà nước. Kinh phí kiểm soát hiện nay được đánh giá là quá thấp và không hợp lý, do vậy, khó huy động được nhân lực có chất lượng cao cho kiểm soát chất lượng dịch vụ KTDL.

Công khai kết quả kiểm tra và xử lý sai phạm về chất lượng dịch vụ kiểm toán: Kết quả kiểm tra chất lượng dịch vụ kiểm toán tại các DNKT được kiểm tra sẽ tổng hợp trong báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra. Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra hàng năm chỉ công bố các DNKT đã được đánh giá trong năm, cùng với kết quả đánh giá đạt yêu cầu/không đạt yêu cầu trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính, UBCKNN và Tổ chức nghề nghiệp về kiểm toán. Bộ Tài chính và UBCKNN không công khai các phát hiện và khuyến nghị, chỉ gửi trực tiếp cho các DNKT để khắc phục. Việc khắc phục các tồn tại, hạn chế của DNKT theo kiến nghị của đoàn kiểm tra còn chưa chặt chẽ và triệt để. Các hình thức xử phạt còn chưa đủ sức răn đe đối với các KTV và DNKT...

## Bài học đối với Việt Nam

*Mô hình quản lý dịch vụ KTDL:* Mỗi mô hình quản lý có những ảnh hưởng khác nhau đến việc đảm bảo, duy trì chất lượng và hiệu quả của dịch vụ KTDL, do vậy, Việt Nam cần nghiên cứu kỹ lưỡng mô hình quản lý, giám sát và ban hành các CMKT của nhiều quốc gia phát triển; phân tích điểm mạnh, điểm yếu của từng mô hình để kế thừa và vận dụng linh hoạt. Qua đó, từng bước chuyển đổi, tiến đến việc xác lập mô hình tổ chức quản lý, giám sát dịch vụ KTDL theo hướng nâng cao hiệu quả và niềm tin. Mô hình quản lý và giám sát dịch vụ KTDL cần phù hợp với định hướng phát triển của các mô hình quốc tế; phù hợp với thể chế, môi trường pháp lý và năng lực đội ngũ của những người làm kiểm toán ở Việt Nam trong tương lai. Mô hình theo luật định là mô hình Việt Nam nên áp dụng và theo đuổi.

Theo đó, các cơ quan quản lý nhà nước cần thực hiện quản lý, giám sát dịch vụ KTDL; ban hành và giám sát việc chấp hành CMKT và các quy định của pháp luật trong lĩnh vực kiểm toán. Tổ chức nghề nghiệp giữ vai trò nghiên cứu và hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước ban hành và thực hiện chuẩn mực, cập

ngành nghiệp và tư vấn chuyên môn; kiểm soát chất lượng cung cấp dịch vụ của Hội viên và quản lý đạo đức nghề nghiệp, xử lý các sai phạm của Hội viên.

**Cơ quan kiểm soát chất lượng dịch vụ KTĐL:** Theo đuổi mô hình quản lý và đánh giá theo kết quả công việc. Theo đó, hoạt động quản lý, giám sát dịch vụ KTĐL được thực hiện bởi Ủy ban Giám sát dịch vụ KTĐL. Chính phủ phải trao quyền chủ động và linh hoạt hơn trong quá trình hoạt động để đạt được mục tiêu. Ngoài việc quan tâm đến mục tiêu và biện pháp thực hiện, Ủy ban giám sát dịch vụ KTĐL còn phải chú ý đến phân hồi của các nhóm khác nhau, để kịp thời điều chỉnh.

**Mô hình quản lý và giám sát dịch vụ kiểm toán độc lập cần phù hợp với định hướng phát triển của các mô hình quốc tế; phù hợp với thể chế, môi trường pháp lý và năng lực đội ngũ của những người làm kiểm toán ở Việt Nam trong tương lai. Mô hình theo luật định là mô hình Việt Nam nên áp dụng và theo đuổi.**

Ủy ban Giám sát dịch vụ KTĐL chịu trách nhiệm và cho phép kiểm toán các đơn vị có lợi ích công chúng. Điều này sẽ giúp cho quá trình chấp thuận được thống nhất cả về tiêu chí bổ nhiệm kiểm toán và giám sát tuân thủ. Việc hợp nhất và giao các công việc này cho Ủy ban Giám sát dịch vụ KTĐL sẽ đem lại những lợi ích nhất định, thúc đẩy sự hợp tác giữa các cơ quan quản lý và tận dụng có hiệu quả nguồn lực hiện có. Nhờ đó, mỗi cơ quan quản lý cần phải xây dựng và duy trì các kỹ năng, chuyên môn chuyên ngành, giúp giảm thiểu chi phí cho các đơn vị có lợi ích công chúng.

**Hình thức kiểm soát và kinh phí thực hiện kiểm soát chất lượng dịch vụ:** KTĐL Trung Quốc là quốc gia có nền kinh tế chuyển đổi, hoạt động kiểm soát chất lượng dịch vụ KTĐL tại Trung Quốc rất thành công với việc kết hợp cả 2 hình thức kiểm tra chéo và kiểm tra bắt buộc. Học tập kinh nghiệm của Trung Quốc, hoạt động kiểm soát chất lượng dịch vụ KTĐL tại Việt Nam nên kết hợp cả 2 hình thức kiểm tra chéo và kiểm tra bắt buộc. Ủy ban Giám sát dịch vụ KTĐL thực hiện cơ chế tư chủ phải huy động kinh phí từ nhiều nguồn, điều này sẽ giúp cho việc huy động nhân lực có chất lượng cao cho kiểm soát chất lượng dịch vụ KTĐL một cách chủ động. Tuy nhiên, để hoạt động kiểm soát dịch vụ KTĐL được vận hành tốt và phát huy hiệu quả thì

việc huy động nguồn tài chính phải đảm bảo tính độc lập của kiểm tra viên, kinh phí không do DNKT được kiểm tra chi trả trực tiếp.

**Công khai kết quả kiểm tra và xử lý sai phạm về chất lượng dịch vụ kiểm toán:** Học tập kinh nghiệm của các quốc gia, Việt Nam nên giao cho Ủy ban giám sát dịch vụ KTĐL chịu trách nhiệm ra soát báo cáo tài chính và kiểm tra chất lượng dịch vụ kiểm toán, xử phạt các vấn đề liên quan đến việc lập và kiểm toán các báo cáo tài chính của các đơn vị có lợi ích công chúng. Quy trình này giúp nâng cao tính nhất quán và minh bạch trong việc báo cáo, giảm quyết vi phạm và xử phạt.

Việt Nam cũng nên công bố báo cáo thường niên về kiểm soát chất lượng dịch vụ KTĐL của các DNKT. Các cơ quan này có thể không công khai kết quả và hành động giám sát, tuy nhiên, nếu không công bố thông tin về công tác kiểm tra giám sát dịch vụ KTĐL có thể làm cho công chúng hiểu rằng, dịch vụ KTĐL của các DNKT. Cả 2 trường hợp này đều mang lại rủi ro cho hoạt động quản lý nhà nước đối với dịch vụ KTĐL ở Việt Nam. Đồng thời, các cơ quan quản lý nên cung cấp thông tin cần thiết để mở rộng thị trường, hỗ trợ và khuyến khích dịch vụ KTĐL phát triển, phục vụ ngày càng tốt hơn yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

**Tài liệu tham khảo:**

1. Quốc hội (2011), Luật Kiểm toán độc lập;
2. Bộ Tài chính (2007), Quyết định số 89/2007/QĐ-BTC ngày 24/7/2007 về quy chế lựa chọn DN kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán;
3. Bộ Tài chính (2010), Báo cáo tóm tắt kinh nghiệm các nước về mô hình sau dùng của Luật Kiểm toán độc lập, tháng 3/2011;
4. Bộ Tài chính, Tài liệu họp thường niên Giám đốc công ty kiểm toán các năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019;
5. Hội Kiểm toán viên hành nghề, Tài liệu họp thường niên Giám đốc công ty kiểm toán các năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019;
6. Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (2016), Báo cáo tổng kết 25 năm hoạt động kiểm toán độc lập;
7. Mutrap (2009), Báo cáo "Chiến lược tăng trưởng phát triển ngành dịch vụ tài chính 2020 và tầm nhìn tới năm 2025";
8. The World Bank (2016): Báo cáo đánh giá sự tuân thủ các chuẩn mực và quy tắc - Lĩnh vực kế toán và kiểm toán;
9. Hà Thị Ngọc Hà (2011), Các giải pháp hoàn thiện, tăng cường kiểm soát chất lượng công tác kiểm toán báo cáo tài chính các đơn vị có lợi ích công chúng".

**Thông tin tác giả:**

ThS. Nguyễn Thị Hà  
 Trường Đại học Thương mại  
 Email: nguyenhavuc@gmail.com